

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 03-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản và hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Ngọc Dinh
- Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 302/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tống Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Là chủ hộ kinh doanh Tống Văn T. Địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số A, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 22/6/2023), vắng mặt.

2. Ông Trần Văn C, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số H, đường L, phường D, thành phố T, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 13/11/2023), vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Bé T1, sinh năm 1962, vắng mặt
Bà Võ Thị Mộng T2, sinh năm 1964, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Tổng Hoàng T3, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T3: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số A, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 04/7/2023), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Từ tháng 01/2019 đến tháng 3/2019, ông Nguyễn Văn Bé T1 và bà Võ Thị Mộng T2 đã nhiều lần mua thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản tại cửa hàng của ông Tổng Văn T. Tính đến ngày 01/4/2019, ông T1 và bà T2 còn nợ ông T số tiền 30.590.000 đồng.

Quá trình chăn nuôi tôm, ông T1 và bà T2 có sử dụng quạt đầm tôm và nợ ông T tiền điện sử dụng quạt ngày 01/3/2019 là 9.358.200 đồng và ngày 02/7/2019 số tiền 28.351.040 đồng, tổng cộng là 37.709.240 đồng.

Đến ngày 15/4/2023, bà T2 đã thống nhất tổng số tiền vợ chồng bà có nợ ông T là 68.299.240 đồng, được thể hiện tại bản ghi âm (đã cung cấp cho Tòa án).

Nay, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Bé T1 và bà Võ Thị Mộng T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T tổng số tiền vốn mua thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản và tiền điện sử dụng quạt còn nợ là 68.299.240 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi suất.

Ông Nguyễn Văn Bé T1 và bà Võ Thị Mộng T2 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do nên không có lời trình bày.

Bà Nguyễn Thị Kim H là người đại diện theo ủy quyền của ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Tổng Văn T, chủ hộ kinh doanh Tổng Văn T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng dịch vụ với ông Nguyễn Văn Bé T1 và bà Võ Thị Mộng T2, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T1 và bà T2 cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông C, ông T1, bà T2 và bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và ông C có đơn xin vắng mặt, ông T1, bà T2 và bà H vắng

mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C, ông T1, bà T2 và bà H.

[2]. Về nội dung vụ án: Ông Tống Văn T, chủ hộ kinh doanh Tống Văn T yêu cầu ông Nguyễn Văn Bé T1 và bà Võ Thị Mộng T2 trả số tiền vốn mua thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản là 30.000.000 đồng và tiền điện sử dụng quạt là 37.709.240 đồng, tổng cộng là 68.299.240 đồng.

Xét thấy, nguyên đơn cung cấp được nội dung bản ghi âm được các bên xác nhận số tiền nợ với nhau là 68.299.240 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập ông T1 và bà T2 tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án nhưng ông bà đều vắng mặt không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện việc ông T1 và bà T2 đã từ bỏ quyền chứng minh cho mình. Như vậy, căn cứ vào nội dung bản ghi âm do nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định: Ông Nguyễn Văn Bé T1 và bà Võ Thị Mộng T2 có nợ ông Tống Văn T số tiền 68.299.240 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ mua thức ăn thủy sản, thuốc thủy sản là 30.000.000 đồng và tiền điện sử dụng quạt là 37.709.240 đồng, tổng cộng là 68.299.240 đồng theo quy định tại các Điều 430, 440, 513 và Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật (68.299.240 đồng x 5% = 3.414.962 đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 430, 440, 513 và Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng dịch vụ của ông Tống Văn T, chủ hộ kinh doanh Tống Văn T đối với ông Nguyễn Văn Bé T1 và bà Võ Thị Mộng T2.

Buộc ông Nguyễn Văn Bé T1 và bà Võ Thị Mộng T2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Tống Văn T, chủ hộ kinh doanh Tống Văn T số tiền mua thức ăn thủy sản, thuốc thủy sản và tiền điện sử dụng quạt là 68.299.240 (sáu mươi tám triệu hai trăm chín mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Bé T1 và bà Võ Thị Mộng T2 phải liên đới chịu 3.414.962 (ba triệu bốn trăm mười bốn nghìn chín trăm sáu mươi hai) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Tống Văn T, chủ hộ kinh doanh Tống Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.700.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006503 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy